

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 1990/2024/DS-ST
Ngày 22/5/2024
V/v: Tranh chấp đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hương

Ông Huỳnh Tiến D

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Giang- là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1062/2023/TLST-DS ngày 24/7/2023 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1697/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 2466/2024/QĐST-DS ngày 24/4/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1993, căn cước công dân số: 038093000664, Địa chỉ: thôn 9, xã Hải S, thành phố M, tỉnh Q- có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1990, CCCD số: 030090001987 và bà Lê Thị N, sinh năm 1993, CCCD số: 031189009370, Địa chỉ: căn hộ S2.03-0211 chung cư Vinhomes Grand Park, đường Nguyễn Xiển, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố T, Thành phố H- vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Hữu C có quen biết với ông Nguyễn Văn D và vợ ông D là bà Lê Thị N qua bạn bè, trong thời gian quen biết ông D, bà N có nhờ ông giúp đỡ và nhờ ông C chuyển tiền vào tài khoản của vợ ông Nguyễn Văn D là bà Lê Thị N. Ông đã chuyển tiền qua tài khoản của bà Lê Thị N, số tài khoản: 0031000166906 mở tại Ngân hàng Vietcombank 02 lần, lần 1 vào ngày 01/9/2020 là 170.000.000 đồng và lần 2 ngày 02/9/2020 là 500.000.000 đồng, tổng cộng 02 lần chuyển là 670.000.000 đồng.

Ông đã điện thoại nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông D, bà N trả tiền nhưng ông D, bà N không chịu trả cho ông.

Ngày 24/7/2023, ông Nguyễn Hữu C đã làm thông báo cho ông Nguyễn Văn D và vợ ông D là bà Lê Thị N trả số tiền 670.000.000 đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày 24/7/2023 nhưng cho đến nay ông D và bà N vẫn chưa trả cho ông C.

Nay khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị N hoàn trả số tiền 670.000.000 (sáu trăm bảy mươi triệu) đồng mà ông đã chuyển cho ông D, bà N. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D và vợ ông D là bà Lê Thị N đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt, không có bản khai, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Tuy nhiên Tòa án có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử nên cần khắc phục.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ kèm theo có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp đòi lại tài sản được quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào phiếu trả lời kết quả xác minh ngày 12/10/2023 của Công an phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị

đơn ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị N có thực tế cư trú tại căn hộ S2.03-0211 chung cư Vinhomes Grand Park, đường Nguyễn Xiển, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn là ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị N theo quy định của pháp luật nhưng đương sự nói trên vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vắng mặt.

Nguyên đơn là ông Nguyễn Hữu C có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vắng mặt.

[3]. Về yêu cầu của nguyên đơn: Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị N đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của tòa án nhưng vắng mặt, không có bản khai, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án để phản bác lại yêu cầu của nguyên đơn, do đó căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp như bảng sao kê tài khoản của ngân hàng ngoại thương Việt Nam ngày 28/3/2023 thì ông Nguyễn Hữu C đã chuyển tiền qua tài khoản của bà Lê Thị N, số tài khoản: 0031000166906 mở tại Ngân hàng Vietcombank 02 lần, lần 1 vào ngày 01/9/2020 số tiền là 170.000.000 đồng và lần 2 ngày 02/9/2020 số tiền là 500.000.000 đồng, tổng cộng 02 lần chuyển là 670.000.000 (sáu trăm bảy mươi triệu) đồng.

Nguyên đơn đã điện thoại nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông D bà N trả tiền và ngày 24/7/2023, ông Nguyễn Hữu C đã làm thông báo cho ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị N trả số tiền 670.000.000 đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày 24/7/2023 nhưng cho đến nay ông D và bà N vẫn chưa trả cho ông C.

Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị N hoàn trả số tiền 670.000.000 (sáu trăm bảy mươi triệu) đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị N chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 670.000.000 (sáu trăm bảy mươi triệu) đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Cụ thể ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 30.800.000 (ba mươi triệu tám trăm nghìn) đồng.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Hữu C đã nộp là 15.400.000 (mười lăm triệu bốn trăm nghìn) đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự

thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo biên lai số 0004337 ngày 21/7/2023.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 186, Khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tổ tụng dân sự;

Áp dụng Điều 274, khoản 4 Điều 275, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết 326 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị N có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Hữu C số tiền 670.000.000 (sáu trăm bảy mươi triệu) đồng.

2. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện việc trả số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải trả tiền lãi của số tiền gốc chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 30.800.000 (ba mươi triệu tám trăm nghìn) đồng.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Hữu C đã nộp là 15.400.000 (mười lăm triệu bốn trăm nghìn) đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo biên lai số 0004337 ngày 21/7/2023.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7a, 7b, điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND TP.HCM;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Thắng